

Nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh (HUTECH)

Trần Văn Tùng
Ngô Ngọc Nguyễn Thảo
Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH)
Nguyễn Thị Nguyệt
Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Thuận

Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) đóng vai trò to lớn trong việc đảm bảo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật cũng như quy định nội bộ của một tổ chức. Bên cạnh đó, KSNB đảm bảo mọi cán bộ, công nhân viên tuân thủ nội quy, quy chế của ngành cũng như các quy định của pháp luật khi thực thi nhiệm vụ công việc. Bằng việc sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng, tác giả thực hiện nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại trường đại học công nghệ TP.HCM (ĐH Hutech). Kết quả nghiên cứu đã khẳng định có 5 nhân tố tác động, đó là Hệ thống văn bản pháp lý; Quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ; Tổ chức bộ máy kiểm soát; Chất lượng cán bộ Kiểm soát; Sự hài lòng của CB-GV-NV và các bên liên quan

1. Mở đầu

Trường Đại học Hutech đã được hình thành từ năm 1995 và trải qua gần 25 phát triển đã gặt hái được nhiều thành công trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển nhanh và quy mô ngày càng mở rộng tiềm ẩn nhiều rủi ro thì các quy định, quy trình về quản lý chưa kịp đổi mới để phù hợp với tình hình hiện tại. Điều này dẫn đến việc kiểm soát, giám sát hoạt động của từng cá nhân, bộ phận trong trường chưa được chặt chẽ, kịp thời nên hiệu quả công việc đạt được chưa cao. Vì vậy, việc tăng cường tính hữu hiệu của hệ thống KSNB chính là xác lập cơ chế giám sát đủ mạnh là việc làm thật sự cần thiết cho nhà trường, nhằm giảm bớt nguy cơ tiềm ẩn trong quá trình hoạt động, qua đó giúp giảm bớt nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động (sai sót vô tình gây thiệt hại, các rủi ro làm chậm kế hoạch, tăng chi phí, giảm chất lượng đào tạo...); bảo vệ tài sản khỏi bị hư hỏng, mất mát, hao hụt, gian lận, trộm cắp; đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán và báo cáo tài chính; đảm bảo mọi thành viên tuân thủ nội quy của đơn vị cũng như các quy định của luật pháp; đảm bảo sử dụng tối ưu các nguồn lực và đạt được mục tiêu đặt ra; bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, cổ đông và gây dựng lòng tin đối với nhà trường, qua đó góp phần nâng cao chất lượng quản lý tài chính cũng như đáp ứng các yêu cầu về đổi mới giáo dục và đào tạo của nhà trường là sự cần thiết khách quan.

2. Cơ sở lý thuyết

Badara M.S. & Saidin S.Z (2013) nghiên cứu sự ảnh hưởng của hệ thống KSNB đến tính hữu hiệu của kiểm toán nội bộ trong các cơ quan hành chính địa phương. Bài nghiên cứu đã xây dựng một khung lý thuyết với

hệ thống KSNB bao gồm 5 yếu tố: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, và giám sát có ảnh hưởng đến kiểm toán nội bộ tại khu vực công.

Joseph O.N. & Albert O. & Byaruhanga P.J. (2015) đã tập trung vào tìm hiểu sự ảnh hưởng của hệ thống KSNB trong việc nhận diện và ngăn chặn gian lận tại Kakamega, xác định rằng 5 yếu tố của hệ thống KSNB (Môi trường kiểm soát, Quản lý rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, Giám sát) và có ảnh hưởng đến các chỉ số của việc nhận diện và ngăn chặn gian lận (khả năng giải trình của quý, sự hữu hiệu và hiệu suất của hoạt động, tính kinh tế trong dự án thực hiện). Từ đó, bài nghiên cứu đưa ra những đề nghị nhằm nâng cao khả năng loại trừ gian lận.

Theo hướng dẫn của COSO 2013 định nghĩa “Kiểm soát nội bộ là một quá trình bị chi phối bởi Hội đồng quản trị, người quản lý và các nhân viên của đơn vị, nó được thiết lập để cung cấp một sự bảo đảm hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động, báo cáo và tuân thủ”.

Theo hướng dẫn của INTOSAI 2013, hệ thống KSNB trong một đơn vị trong khu vực công được cấu thành bởi 5 yếu tố cơ bản sau: i) Môi trường kiểm soát; ii) Đánh giá rủi ro; iii) Hoạt động kiểm soát; iv) Thông tin và truyền thông; v) Hoạt động giám sát.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để phục vụ nghiên cứu, tác giả tiến hành thu thập gồm cả dữ liệu thứ cấp để tìm hiểu thực trạng về hoạt động của hệ thống KSNB tại trường ĐH Hutech và dữ liệu sơ cấp nhằm xây dựng mô hình nghiên cứu và kiểm định mô hình.

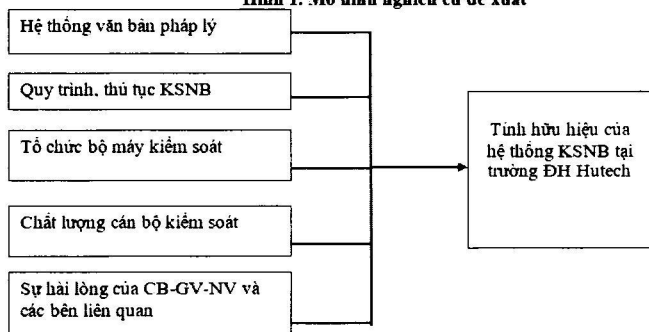
Dữ liệu thứ cấp được thu thập thông qua phương pháp sưu tầm tài liệu, phương pháp thảo luận nhóm gồm các chuyên gia an hiểu về KSNB trong khu vực công và đại diện lãnh đạo của trường ĐH Hutech. Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ bảng câu hỏi khảo sát thông qua gửi đến các cá nhân cần khảo sát để chọn đáp án trả lời đã được thiết kế sẵn. Nội dung các câu hỏi là các biến quan sát đo lường các biến trong mô hình nghiên cứu và sử dụng thang đo 5 Likert cho toàn bộ bảng hỏi: 1 — hoàn toàn đồng ý, 2 — không đồng ý, 3 — bình thường, 4 — Đồng ý, 5 — Hoàn toàn đồng ý. Đối tượng khảo sát là cán bộ đại diện cho hơn 20 đơn vị thuộc 10 đơn vị thuộc trường ĐH Hutech.

Nhóm tác giả gửi Bảng câu hỏi khảo sát đến 160 cán bộ, giảng viên, nhân viên đang công tác tại trường ĐH Hutech, kết quả thu về được 154 Bảng trả lời, trong đó có 12 Bảng trả lời không hợp lệ, còn lại 142 Bảng trả lời hợp lệ và tác giả đưa vào phân tích là phù hợp. Căn cứ số liệu khảo sát, tác giả thực hiện việc xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê mô tả để xác định trọng số và tăng suất của các biến trong mô hình nghiên cứu.

Mô hình nghiên cứu

Căn cứ vào tổng quan các công trình nghiên cứu trước, nghiên cứu chuyên gia và cơ sở lý thuyết về hướng dẫn thực hành KSNB theo INTOSAI 2013, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu như sau:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



4. Kết quả nghiên cứu

Kiểm định chất lượng thang đo

Bảng 1. Kết quả phân tích chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

Nhóm biến	Số biến quan sát	Cronbach Alpha
Hệ thống văn bản pháp lý	3	0.840
Quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ	6	0.873
Tổ chức bộ máy kiểm soát	3	0.864
Chất lượng cán bộ kiểm soát	5	0.860
Sự hài lòng của CB-GV-NV và các bên liên quan	3	0.799
Tính hữu hiệu của hệ thống KSNB	3	0.816

Qua kết quả kiểm định chất lượng thang đo ở bảng 1 ta thấy hệ số Cronbach's Alpha của tổng thể đều lớn hơn 0.7. Như vậy hệ thống thang đo được xây dựng gồm 6 thang đo đảm bảo chất lượng tốt với 23 biến quan sát đặc trưng.

Phân tích nhân tố khám phá các biến độc lập
Kiểm định tính thích hợp EFA:

Bảng 2. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett các thành phần

Hệ số KMO		.738
Mô hình kiểm tra Bartlett	Giá trị Chi-Square	1397.623
	Bậc tự do	190
	Sig (p - value)	.000

Ta thấy KMO = 0.738 thỏa mãn điều kiện $0.5 < KMO < 1.0$ phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế.

Kiểm định tương quan giữa các biến quan sát:

Qua bảng KMO and Bartlett's Test, ta thấy Sig. < 0.01, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Kiểm định mức độ giải thích các biến quan sát đối với các nhân tố:

Từ kết quả sau khi chạy Fixed number of factors ta thấy phương sai trích là 70.085% > 50% đạt yêu cầu. Với phương pháp rút trích Principal components và phép quay Varimax, có 5 yếu tố được rút trích ra từ các biến quan sát. Điều này cũng có nghĩa 5 yếu tố rút trích ra thể hiện khả năng giải thích được 70.085% sự thay đổi của biến phụ thuộc trong tổng thể.

Kết quả mô hình EFA :

Kết quả phân tích EFA cho thấy các biến được gom thành 5 nhóm. Hệ số tải nhân tố (Factor Loading) của các biến đều lớn hơn 0.5 và hiệu số giữa các thành phần trong cùng yếu tố đều lớn hơn 0,3.

Kết quả các nhóm yếu tố được gom lại gồm 5 nhóm với 20 biến quan sát.

Phân tích khám phá EFA cho biến phụ thuộc

Biến phụ thuộc "Tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại trường ĐH Hutech" với 3 biến quan sát, kết quả phân tích EFA cho thấy tất cả các điều kiện về phân tích nhân tố khám phá đều đáp ứng, hệ số KMO = 0.705 > 0,5 ; Sig. = 0,000 < 0.05; hệ số tải nhân tố > 0.5; giá trị trích Eigenvalue = 2.195 > 1 (yêu cầu lớn hơn 1); và tổng phương sai trích đạt khá cao 73.164% > 50% và đạt yêu cầu.

Bảng 3. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		.705
Mô hình kiểm tra của Bartlett	Giá trị Chi-Square	148.414
	Bậc tự do	3
	Sig (giá trị P - value)	.000

Phân tích hồi quy bội

Kết quả phân tích EFA cho thấy các nhân tố (1) Hệ thống văn bản pháp lý; (2) Quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ; (3) Tổ chức bộ máy kiểm soát; (4) Chất lượng cán bộ Kiểm soát và (5) Sự hài lòng của CB-GV-NV và các bên liên quan ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại trường ĐH Hutech.

Phương trình hồi quy:

$$KSNB = \beta_1 VBPL + \beta_2 QTTT + \beta_3 BMKS + \beta_4 CBKS + \beta_5 HLNv + e$$

Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Bảng 4. Kiểm tra độ phù hợp của mô hình

Hệ số R	Hệ số R ²	R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn	Thông kê thay đổi			Hệ số Durbin-Watson	
				R ² sau khi đổi	Hệ số F khi đổi	Bậc tự do		
.837*	.701	.690	.43437	.701	63.779	5	136	2.120
a Biến độc lập: (Constant): VBPL, QTTT, BMKS, CBKS, HLN								
b Biến phụ thuộc: KSNB								

Bảng trên cho thấy, giá trị hệ số tương quan là 0.837 > 0.5. Do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập.

Ngoài ra hệ số xác định của mô hình hồi quy R² hiệu chỉnh là 0.690. Nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 69.0%. Điều này cho biết khoảng 69.0% sự biến thiên của biến phụ thuộc (KSNB) là do tác động của các biến độc lập (VBPL, QTTT, BMKS, CBKS, HLN), các phần còn lại là do sai sót của các yếu tố khác. Kiểm định Durbin Watson = 2.120 trong khoảng 1 < D < 3 nên không có hiện tượng tự tương quan của các phần dư.

Thông kê trong mô hình hồi quy bằng phương pháp Enter cho thấy, khi xét tstat và tá/2 của các biến để đo độ tin cậy thì các biến độc lập đều đạt yêu cầu và các giá trị Sig thể hiện độ tin cậy khá cao, đều < 5%. Ngoài ra, hệ số VIF của các hệ số Beta đều nhỏ hơn 10 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Phương trình hồi quy:

$$KSNB = 0.341xVBPL + 0.245xQTTT + 0.474xBMKS + 0.188xCBKS + 0.277xHLN$$

5. Kết luận và kiến nghị

Thông qua các kiểm định của mô hình nghiên cứu, có thể khẳng định các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại Hutech như sau:

Bảng 5. Thông kê trong mô hình hồi quy bằng phương pháp Enter

Biến độc lập	Giá trị hệ số Beta chuẩn hóa	Tỷ trọng (%)	Thứ tự tác động	Hệ số Sig.
Hệ thống văn bản pháp lý	0.341	22.36%	2	0.00 < 0.05
Quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ	0.245	16.06%	4	0.00 < 0.05
Tổ chức bộ máy kiểm soát	0.474	31.08%	1	0.00 < 0.05
Chất lượng cán bộ kiểm soát	0.188	12.32%	5	0.00 < 0.05
Sự hài lòng của CB-GV-NV và các bên liên quan	0.277	18.18%	3	0.00 < 0.05
Cộng	1.525	100%		

Tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm giúp nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống KSNB tại trường ĐH Hutech như sau:

Đối với tổ chức bộ máy kiểm soát: Theo đó tổ chức bộ máy kiểm soát cần đảm bảo tương xứng với quy mô và khối lượng công việc cần thực hiện cũng như số lượng và chất lượng của đội ngũ CB-GV-NV của nhà trường. Ngoài ra, Hutech cần tạo điều kiện để các cán bộ kiểm soát được tham gia đào tạo, trao đổi với nhau về văn bản, nghiệp vụ và kinh nghiệm để học hỏi lẫn nhau bằng cách tiếp tục duy trì hình thức kiểm tra chéo giữa các bộ phận trong nhà trường thông qua các đợt hội thảo chuyên đề, đưa những tình huống thực tế để cùng nhau trao đổi những biện pháp xử lý tình huống.

Đối với hệ thống văn bản pháp luật: Nhà trường cần phải chú trọng hơn nữa tính tuân thủ pháp luật và chính sách, chế độ về quản lý kinh tế tài chính, ngân sách trong tất cả các mảng hoạt động, nhất là việc thực hiện các quy định về thẩm quyền của các cơ quan đơn vị trong quản lý và sử dụng tài sản. Các phát hiện sai sót phải gắn với việc kiến nghị xử lý liên quan đến trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan nhằm có biện pháp ngăn chặn các trường hợp vi phạm tái diễn lặp lại.

Đối với sự hài lòng của CB-GV-NV và các bên liên quan: Tác phong của người cán bộ có văn hóa ở công sở thể hiện cách giải quyết công việc dứt khoát, có nguyên tắc nhưng nhẹ nhàng, tôn trọng người giao tiếp: nói năng mạch lạc, đi đứng đàng hoàng, ánh mắt thiện cảm. Tăng cường công tác đào tạo các kỹ năng mềm bên cạnh chuyên môn như kỹ năng sư phạm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử... cho cán bộ kiểm soát để nâng cao khả năng hướng dẫn văn bản, quy định pháp lý.

Đối với quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ: Tư cách đạo đức, hành vi ứng xử và hiệu quả công việc của lãnh đạo là tấm gương sáng để nhân viên noi theo. Muốn vậy, lãnh đạo nhà trường phải làm gương trong việc tuân thủ các quy định, chuẩn mực đạo đức và thường xuyên phổ biến những quy định đến tất cả các nhân viên trong đơn vị bằng những thể thức thích hợp.

Đối với chất lượng cán bộ kiểm soát: Có nhiều hình thức để nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng cho cán bộ kiểm soát như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ sở đào tạo của các cơ quan cấp trên; đào tạo, bồi dưỡng thông qua công việc tại cơ quan. Mặt khác, người đứng đầu của nhà trường phải tạo được cơ chế tốt để các nhân viên có điều kiện phát triển, một môi trường hòa đồng, thân thiện có tính đoàn kết cao./

Tài liệu tham khảo

Amudo, A. & Inanga, E.L., 2009. Evaluation of Internal control System: A case study from Uganda. International Research Journal of Finance and Economics, 27, ISSN 1450 -2887

Badara M.S. & Saidin S.Z., 2013. Impact of the Effective Internal Control System on the Internal Audit Effectiveness at Local Government Level. Journal of Social and Development Sciences, 4: pp 16-23. ISSN 2221-1152.

COSO (1992), Internal Control Report.

INTOSAI GOV 9100, Guidelines for Internal Control Standards for the Public Sector.

INTOSAI (2013), "Guidelines for Internal Control Standards for the Public Sector", International Organisation of Supreme Audit Institutions.

Hair J.F, Anderson, R.E., Tatham, R.L., and Black, W.C. (2006). Multivariate data analysis. Prentice-Hall, International, Inc.